

ĂN TRỌN ĐIỂM CÂU HỎI TỪ LOẠI VÀ TRẬT TỰ TỪ (BUỔI 2)

Read the following texts and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 30.

1.

Last week, I gave my best friend a birthday gift. It was a small painting of her favourite place, the beach. When she opened it, she looked (1) _____. Her eyes were wide, and she didn't say a word for a moment. Then, she smiled and hugged me. She said it was a (2) _____ and that she loved it. It made her birthday even more (3) _____. I felt so happy that she liked it. She said she would hang the painting in her room to see it every day.

Question 1. A. astonishment B. astonishing C. astonished D. astonish

Question 2. A. wonderful idea gift B. idea wonderful gift
C. gift wonderful idea D. wonderful gift idea

Question 3. A. exciting B. excitement C. excite D. excited

2.

I recently started using a learning app. It has clear lessons and helpful exercises. One of the best parts is its (4) _____, which makes it easy to find everything. At first, I felt a little (5) _____ because I wasn't sure how to use it. But soon, I discovered its (6) _____ tools that help you stay on track. The app is perfect for people who want to learn quickly and have fun at the same time.

Question 4. A. simple system navigation B. simple navigation system
C. navigation simple system D. system simple navigation

Question 5. A. confuse B. confused C. confusion D. confusing

Question 6. A. amazingly B. amaze C. amazing D. amazed

3.

Last weekend, I attended a cultural event in my city. It had music, dance, and food from many countries. The performances were (7) _____, and I couldn't stop watching. One highlight was a group showing a (8) _____, which everyone enjoyed. The crowd laughed at an (9) _____ moment during a comedy act. The event was not only fun but also a great way to learn about different traditions.

Question 7. A. fascination B. fascinate C. fascinated D. fascinating

Question 8. A. colourful dance performance B. dance colourful performance
C. colourful performance dance D. performance colourful dance

Question 9. A. amusingly B. amusing C. amused D. amusement

4.

Last month, I went on an eco-tour in the countryside. We walked through green forests and learned about plants and animals. The guide explained everything with a (10) _____, which made the journey easier. I felt very (11) _____ while listening to the sounds of nature. Planting a tree at the end was the most (12) _____ part of the trip. It was a wonderful experience, and I would recommend it to anyone who loves nature!

Question 10. A. plan clear map B. map clear plan C. clear map plan D. clear plan map

Question 11. A. relaxing B. relaxation C. relax D. relaxed

Question 12. A. fulfil B. fulfilment C. fulfilled D. fulfilling

5.

Teen stress is a serious issue today. Many teens feel (13) _____ because of school pressure or problems with friends. They often deal with a (14) _____, which leaves little time for rest. Some also face a (15) _____, which adds to their worries. A (16) _____ trend is the rise in stress related health problems

among teens. It's important to help them find healthy ways to manage stress, like talking to someone they trust or spending time on shared activities.

Question 13. A. depress B. depression C. depressed D. depressing

Question 14. A. school busy schedule B. schedule busy school
C. busy schedule school D. busy school schedule

Question 15. A. difficult family situation B. family difficult situation
C. situation difficult family D. difficult situation family

Question 16. A. worryingly B. worrying C. worried D. worry

6.

Green living in urban areas is becoming more popular. Many cities are creating a (17) _____ to give people fresh air and a place to relax. It's (18) _____ how small changes, like planting trees or growing gardens, can improve city life. Some neighbourhoods have started using a (19) _____, making it easier to recycle. These efforts not only help the environment but also improve health and well-being. Green living promotes the (20) _____ of nature, even in busy cities. By working together, people can make urban areas cleaner, healthier, and more beautiful for everyone.

Question 17. A. park green space B. green park space C. green space park D. space green park

Question 18. A. surprising B. surprised C. surprise D. surprisingly

Question 19. A. waste smart system B. system smart waste
C. smart system waste D. smart waste system

Question 20. A. protect B. protectively C. protection D. protective

7.

Last week, I joined a music class, and it was an (21) _____ experience. The teacher showed us a (22) _____ to help us understand the notes. We also used a (23) _____ to practice rhythm, which made the lesson fun. By the end of the session, I felt a little (24) _____ from playing the instruments, but it was worth it. The teacher gave us a (25) _____ of how to read sheet music. I can't wait for the next class to keep learning and improving my skills!

Question 21. A. excitement B. excited C. excite D. exciting

Question 22. A. simple chart music B. chart simple music
C. music simple chart D. simple music chart

Question 23. A. creative learning tool B. tool creative learning
C. creative tool learning D. learning creative tool

Question 24. A. exhausting B. exhaustion C. exhausted D. exhaust

Question 25. A. perfectly explanation clear B. perfectly clear explanation
C. clear explanation perfectly D. explanation clear perfectly

8.

Recently, there has been an (26) _____ rise in bullying within our school. This behaviour creates a (27) _____ and affects everyone's well-being. Many students have expressed feeling (28) _____ and hurt by incidents of bullying. We must all work together to stop these harmful actions. Kindness and respect are the foundation of a (29) _____, and everyone deserves to feel safe. Teachers and staff are also (30) _____ by the impact bullying has on our community. If you witness bullying, report it immediately to a trusted adult. Your actions can make a difference.

Question 26. A. alarmed B. alarmingly C. alarming D. alarm

Question 27. A. environment toxic school B. toxic environment school
C. toxic school environment D. school toxic environment

Question 28. A. shock B. shocked C. shockingly D. shocking

Question 29. A. healthy atmosphere learning

B. atmosphere healthy learning

C. learning healthy atmosphere

D. healthy learning atmosphere

Question 30. **A. frustrated**

B. frustrating

C. frustration

D. frustrate

BẢNG TỪ VỰNG

STT	Từ vựng	Từ loại	Phiên âm	Nghĩa
1	astonishment	n	/ə'stɒnɪʃmənt/	sự ngạc nhiên
2	astonishing	adj	/ə'stɒnɪʃɪŋ/	gây ngạc nhiên
3	astonished	adj	/ə'stɒnɪʃt/	ngạc nhiên
4	astonish	v	/ə'stɒnɪʃ/	làm ngạc nhiên
5	exciting	adj	/ɪk'saɪtɪŋ/	thú vị, hứng thú
6	excitement	n	/ɪk'saɪtmənt/	sự hào hứng, sự phấn khích
7	excited	adj	/ɪk'saɪtɪd/	hào hứng, phấn khích
8	excite	v	/ɪk'saɪt/	làm phấn khích
9	navigation	n	/ˌnævɪ'geɪʃən/	sự điều hướng, sự dẫn đường
10	confuse	v	/kən'fjuːz/	làm bối rối, làm nhầm lẫn
11	confused	adj	/kən'fjuːzd/	bối rối, lúng túng
12	confusion	n	/kən'fjuːʒən/	sự bối rối
13	confusing	adj	/kən'fjuːzɪŋ/	gây bối rối, khó hiểu
14	amazingly	adv	/ə'meɪzɪŋli/	một cách ngạc nhiên
15	amaze	v	/ə'meɪz/	làm sững sốt
16	amazing	adj	/ə'meɪzɪŋ/	tuyệt vời, làm sững sốt
17	amazed	adj	/ə'meɪzd/	ngạc nhiên, sững sốt
18	fascination	n	/ˌfæsɪ'neɪʃən/	sự mê hoặc, sự quyến rũ
19	fascinate	v	/ˌfæsɪneɪt/	làm mê hoặc, quyến rũ
20	fascinated	adj	/ˌfæsɪˌneɪtɪd/	bị mê hoặc, bị quyến rũ
21	fascinating	adj	/ˌfæsɪneɪtɪŋ/	hấp dẫn, thú vị
22	amusingly	adv	/ə'mjuːzɪŋli/	một cách vui nhộn

23	amusing	adj	/ə'mju:zɪŋ/	vui nhộn, giải trí
24	amused	adj	/ə'mju:zd/	cảm thấy vui, thích thú
25	amusement	n	/ə'mju:zmənt/	sự giải trí, sự vui nhộn
26	relaxing	adj	/rɪ'læksɪŋ/	thư giãn
27	relaxation	n	/rɪ'lækseɪʃən/	sự thư giãn
28	relaxed	adj	/rɪ'lækst/	thư giãn, thoải mái
29	fulfil	v	/fʊl'fɪl/	hoàn thành, thực hiện
30	fulfilment	n	/fʊl'fɪlmənt/	sự hoàn thành, sự thực hiện
31	fulfilled	adj	/fʊl'fɪld/	cảm thấy hoàn thành
32	fulfilling	adj	/fʊl'fɪlɪŋ/	thỏa mãn, cảm thấy hoàn thành
33	depress	v	/dɪ'pres/	làm buồn bã, làm chán nản
34	depression	n	/dɪ'preʃən/	sự trầm cảm, sự chán nản
35	depressed	adj	/dɪ'prestɪd/	chán nản, trầm cảm
36	depressing	adj	/dɪ'presɪŋ/	làm buồn bã, làm chán nản
37	worryingly	adv	/'wʌrɪŋli/	một cách lo lắng
38	worrying	adj	/'wʌrɪŋ/	đáng lo ngại, làm lo lắng
39	worried	adj	/'wɜ:ɪd/	lo lắng
40	surprising	adj	/sə'praɪzɪŋ/	gây ngạc nhiên
41	surprised	adj	/sə'praɪzd/	ngạc nhiên
42	surprise	n, v	/sə'praɪz/	sự ngạc nhiên (n), làm ngạc nhiên (v)
43	surprisingly	adv	/sə'praɪzɪŋli/	một cách ngạc nhiên
44	protectively	adv	/prə'tektɪvli/	một cách bảo vệ
45	protection	n	/prə'tekʃən/	sự bảo vệ
46	protective	adj	/prə'tektɪv/	bảo vệ, có tính bảo vệ
47	exhausting	adj	/ɪg'zɔ:stɪŋ/	mệt mỏi, kiệt sức
48	exhaustion	n	/ɪg'zɔ:stʃən/	sự kiệt sức, sự mệt mỏi
49	exhausted	adj	/ɪg'zɔ:stɪd/	kiệt sức, mệt mỏi

50	exhaust	v	/ɪɡ'zɔ:st/	làm kiệt sức, làm mệt mỏi
51	alarmed	adj	/ə'la:md/	hoảng hốt, lo lắng
52	alarmingly	adv	/ə'la:mɪŋli/	một cách đáng lo ngại
53	alarming	adj	/ə'la:mɪŋ/	đáng lo ngại
54	shocked	adj	/ʃɒkt/	bị sốc
55	shockingly	adv	/'ʃɒkɪŋli/	một cách gây sốc
56	shocking	adj	/'ʃɒkɪŋ/	gây sốc, gây bất ngờ
57	frustrated	adj	/frʌ'streɪtɪd/	thất vọng
58	frustrating	adj	/frʌ'streɪtɪŋ/	gây thất vọng
59	frustration	n	/frʌ'streɪʃən/	sự thất vọng, sự bức bối
60	frustrate	v	/frʌ'streɪt/	làm thất vọng, làm bức bối
61	bullying	n	/'bʊlɪŋ/	sự bắt nạt, sự hiếp đáp
62	immediately	adv	/ɪ'mi:diətli/	ngay lập tức
63	deserve	v	/dɪ'zɜ:v/	xứng đáng
64	incident	n	/'ɪnsɪdənt/	sự cố, biến cố
65	foundation	n	/faʊn'deɪʃən/	nền tảng, cơ sở

BẢNG CẤU TRÚC

STT	Cấu trúc	Nghĩa
1	start V-ing	bắt đầu làm gì
2	stop V-ing	dừng làm gì
3	recommend something to somebody	gợi ý điều gì đó cho ai đó
4	help somebody to V	giúp ai làm gì
5	keep V-ing	tiếp tục làm gì
6	make a difference	tạo ra sự khác biệt